

Bản án số: 866/2023/DS-PT

Ngày 28-12-2023

V/v “Tranh chấp về thừa kế, yêu cầu tuyên vô hiệu Di chúc, vô hiệu Văn bản khai nhận di sản, hủy quyết định hành chính cá biệt.”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 571/2023/DS-PT ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên vô hiệu di chúc, vô hiệu văn bản khai nhận di sản, hủy Giấy chứng nhận và hủy cập nhật tại Giấy chứng nhận”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1235/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3112 ngày 22 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Huỳnh Thiết C**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Vinh Thái B, sinh năm 1973; Địa chỉ: 118/71/16 Liên Khu 5-6, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn:

1. **Ông Trần V**, sinh năm 1965 (vắng mặt).

2. **Bà Đỗ Thị Thanh T**, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1959; Địa chỉ: 241/33 Tân Hòa Đ, Phường 14, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Tú L1 (Trần Tú L1), sinh năm 1967; Địa chỉ: 3/15 Gilbert Street Cabramatta NSW 2166, Australia (vắng mặt).

2. Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1983; Địa chỉ: 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Cụ Trần Thị L, sinh năm 1949; Địa chỉ: 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Đã chết ngày 27/8/2023). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ L: ông Trần Văn Ch (có mặt).

4. Bà Phan Mỹ L2, sinh năm 1978; Địa chỉ: 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Mỹ L2, ông Trần Văn Ch: Ông Lê Vinh Thái B, sinh năm 1973; Địa chỉ: 118/71/16 Liên Khu 5-6, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

5. Bà Huỳnh Tuyết M, sinh năm 2001; Địa chỉ: 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

6. Văn phòng công chứng N (Trước đây là Văn phòng công chứng Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh); Địa chỉ: 197 Mai Xuân T, Phường 6, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Văn phòng công chứng Đ; Địa chỉ: 8/1A Tô K, xã Thới Tam T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Văn phòng Công chứng T; Địa chỉ: 40 Nguyễn Văn C, Phường 13, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Văn phòng đăng ký đất đai H; Địa chỉ: 12 Phan Đăng L, Phường 7, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Ủy ban nhân dân Quận X, TP. HCM; Địa chỉ: 107 Cao Văn L, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1982 (vắng mặt).

11. Bà Trần Tuyết L3, sinh năm 1996; Địa chỉ: 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

12. Ông Trần Lai P1, sinh năm 2002; Địa chỉ: 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt). Có ủy quyền cho Bà Lê Thị H, sinh năm 1959; Địa chỉ: 241/33 Tân Hòa Đ, Phường 14, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

13. Cháu Trần Hy A, sinh năm 2019; Địa chỉ: 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Hy A: Bà Trần Tuyết L3, sinh năm 1996 (xin vắng mặt).

Người có kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Thiết C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn Ch, bà Huỳnh Tuyết M, bà Phan Mỹ L2 và Cụ Trần Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Thiết C do ông Lê Vinh Thái B làm đại diện trình bày:

Cha mẹ ông Huỳnh Thiết C là cụ Cụ Huỳnh Tông P (chết năm 2014) và cụ Trần Thị K (chết năm 2009) chung sống có năm người con chung gồm: Ông Huỳnh Ký T (chết năm 2012, không có vợ con), ông Trần V, Bà Huỳnh Tú L1, ông Huỳnh Thiết C, ông Huỳnh Thiết Q (chết năm 2003, có vợ là bà Phan Mỹ L2 và con Huỳnh Tuyết M).

Năm 2009 cụ Trần Thị K chết. Sau khi cụ K chết, ngày 18/7/2013 cụ P kết hôn với Cụ Trần Thị L và tài sản chung là căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH22154 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) cấp ngày 05/6/2014.

Ngày 04/7/2014, cụ P và cụ L lập di chúc để lại căn nhà nêu trên cho ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T.

Ngày 09/4/2015, cụ L có thay đổi đối với ½ tài sản của cụ L nêu trong di chúc đối với phần sở hữu của cụ L, không để lại thừa kế cho ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T nữa mà chuyển nhượng phần sở hữu của cụ L trong căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X cho ông V và bà T theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số 02160 quyền số 04 được Văn phòng Công chứng Quận X (nay là Văn phòng Công chứng N) công chứng.

Ngày 07/5/2015, ông V và bà T được Ủy ban nhân dân Quận X, TP. HCM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH26062 ngày 07/5/2015 và sau đó được cập nhật sang tên ông Trần V.

Nay ông Huỳnh Thiết C khởi kiện yêu cầu:

- Tuyên bố vô hiệu Di chúc số 3447 ngày 04/7/2014 tại Văn phòng Công chứng T.

- Tuyên bố vô hiệu Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 001227 quyền số 01TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 10/02/2015 tại Văn phòng công chứng Đ.

- Hủy hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số 02160 quyền số 04 ngày 09/4/2015 tại Văn phòng Công chứng Quận X (nay là Văn phòng Công chứng N).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BX 618337, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 25626 do Ủy ban nhân dân Quận X cấp ngày 20/3/2015 cho ông Trần V.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH26062 do Ủy ban nhân dân Quận X cấp cho ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T ngày 07/5/2015.

- Hủy phần cập nhật biến động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận X ngày 06/7/2017 tại mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH26062 do Ủy ban nhân dân Quận X cấp ngày 07/5/2015 với nội dung cập nhật sang tên ông Trần V do tặng cho.

- Chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông Huỳnh Tông P. Yêu cầu phát mãi tài sản để chia giá trị tại thời điểm thi hành án.

Ông Huỳnh Thiết C đồng ý giá trị nhà, đất số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Chứng thư thẩm định giá số 3611220/CT-TV ngày 26/01/2021 và không yêu cầu định giá lại.

Bị đơn ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T do Bà Lê Thị H làm đại diện trình bày:

Ông Trần V xác nhận về cha, mẹ, di sản thừa kế và hàng thừa kế đúng như nguyên đơn trình bày. Sau khi cụ Huỳnh Tông P chết, người vợ sau là Cụ Trần Thị L công bố Di chúc ngày 04/7/2014 của cụ P và cụ L với nội dung để lại căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông V và bà T thừa kế. Tuy nhiên, cụ L thay đổi ý kiến muốn nhận phần tài sản của bà nên ngày 10/02/2015 ông C, ông V và cụ L đã làm thủ tục khai nhận và phân chia di sản với nội dung ông C, cụ L tặng cho ông V phần thừa kế được hưởng từ cụ P.

Đối với $\frac{1}{2}$ phần sở hữu của cụ L, cụ đã chuyển nhượng lại cho ông V với số tiền 450.000.000 đồng. Sau đó ông V và bà T được cấp Giấy chứng nhận số CH26062 do Ủy ban nhân dân Quận X, TP. HCM cấp ngày 07/5/2015 đối với toàn bộ căn nhà. Việc mua bán nhà với cụ L đã hoàn tất, ông V và bà T đã giao đủ tiền mua nhà cho cụ L nhưng do là quan hệ mẹ con nên không làm biên nhận khi giao tiền.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý. Tuy nhiên, bị đơn đồng ý hỗ trợ cho cụ L số tiền 500.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Mỹ L2 do ông Lê Vinh Thái B làm đại diện trình bày:

Bà Phan Mỹ L2 là vợ của ông Huỳnh Thiết Q (chết năm 2003, con của cụ Huỳnh Tông P). Việc ông C, ông V kê khai hàng thừa kế thiếu tên ông Q là không đúng, làm ảnh hưởng quyền lợi thừa kế của ông Q. Đối với Di chúc ngày 04/7/2014 cho bị đơn toàn bộ nhà là không đúng ý chí của của cụ P trước đây muốn bán nhà chia đều cho các con.

Nay bà Phan Mỹ L2 có yêu cầu độc lập yêu cầu tuyên bố vô hiệu di chúc và bán nhà chia thừa kế theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Tuyết M trình bày:

Bà là con của bà Phan Mỹ L2 và ông Huỳnh Thiết Q (chết năm 2003, con của cụ Huỳnh Tông P). Việc ông C, ông V kê khai hàng thừa kế thiếu tên ông Q là không đúng, làm ảnh hưởng quyền lợi thừa kế của bà. Đối với Di chúc ngày 04/7/2014 cho bị đơn toàn bộ nhà là không đúng ý chí của cụ P trước đây muốn bán nhà chia đều cho các con. Nay bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Ch do ông Lê Vinh Thái B làm đại diện trình bày:

Ông Trần Văn Ch được cụ Huỳnh Tông P và cụ Trần Thị K nhận làm con nuôi, có giấy khai sinh. Việc ông C, ông V kê khai hàng thừa kế thiếu tên ông Ch là không đúng, làm ảnh hưởng quyền lợi thừa kế của ông Ch. Đối với Di chúc ngày 04/7/2014 cho bị đơn toàn bộ nhà là không đúng ý chí của cụ P trước đây muốn bán nhà chia đều cho các con.

Nay ông Trần Văn Ch có yêu cầu độc lập yêu cầu tuyên bố vô hiệu di chúc và bán nhà chia thừa kế theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cụ Trần Thị L do ông Lê Vinh Thái B làm đại diện trình bày:

Căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh do Cụ Trần Thị L và cụ Huỳnh Tông P đứng tên theo Giấy chứng nhận số CH 22514 ngày 05/6/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X, TP. HCM. Ý nguyện của cụ L và cụ P muốn để lại nhà chia đều cho các con. Do cụ L không rành tiếng Việt nên giao ông V lập di chúc, cụ L có nghe đọc lại di chúc nhưng sau này mới biết di chúc không đúng ý chí của cụ L và cụ P.

Sau khi ông P mất, căn nhà được Ủy ban nhân dân Quận X, TP. HCM cấp giấy ngày 20/3/2015, cấp riêng cho cụ L một giấy và ông V một giấy nhưng cùng số vào sổ cấp giấy. Do tin tưởng ông V nên cụ L đồng ý cho ông V gộp hai giấy làm một do ông V đứng tên cho tiện thủ tục giấy tờ, sau này cụ L mới biết đó là hợp đồng mua bán nhà với ông V.

Nay Cụ Trần Thị L yêu cầu vô hiệu Di chúc số 3447 ngày 04/7/2014; Vô hiệu Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 10/02/2015; Hủy hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở ngày 09/4/2015 tại Văn phòng Công chứng Quận X; Chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Huỳnh Tông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Huỳnh Tú L1 trình bày:

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với Bà Huỳnh Tú L1 theo quy định nhưng không nhận được kết quả ủy thác tư pháp. Tuy nhiên, Bà L1 có văn bản trình bày: Bà không tranh chấp việc cụ L cùng đứng tên nhà với cụ P, vì cụ L là di như mẹ có công chăm sóc. Năm 2015, ông Trần V và ông Huỳnh Thiết C có liên lạc với bà L1 để phân chia thừa kế, bà đồng ý để ông C và ông V tự quyết định, bà L1 không tranh chấp tài sản. Ông V là người trực tiếp chăm sóc cha mẹ. Nếu bà L1 được chia thừa kế, bà sẽ tặng cho lại phần thừa kế cho ông Trần V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Đ có văn bản trình bày:

Văn phòng công chứng Đ có lập Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 10/02/2015, số công chứng 001227, quyển số: 01TP/VPCC-SCC/HĐGD. Di sản là nhà đất số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong hồ sơ công chứng có yêu cầu cung cấp khai tử cụ Huỳnh Tông P, đăng ký kết hôn giữa cụ P và Cụ Trần Thị L, khai sinh ông Trần V và ông Huỳnh Thiết C, tờ tường trình quan hệ nhân thân, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Nội dung văn bản thể hiện cụ L và ông C tặng cho ông V phần thừa kế được hưởng từ cụ P.

Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nêu trên đã được thực hiện đúng theo quy định pháp luật, thực hiện đầy đủ việc niêm yết tại trụ sở Văn phòng công chứng và Ủy ban nhân dân.

Văn phòng công chứng Đ xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng N do ông Nguyễn Văn Quốc M làm đại diện trình bày:

Ngày 09/4/2015, Cụ Trần Thị L có đơn yêu cầu công chứng hợp đồng mua bán một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Do cụ L không đọc được nên có mời người làm chứng là ông Nguyễn Đình Qu, tại hợp đồng cụ L ký tên từng trang và điểm chỉ trang cuối.

Việc Văn phòng công chứng N chứng nhận hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giữa Cụ Trần Thị L và ông Trần V, bà Đỗ Thị Thanh T là đúng trình tự và phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định. Văn phòng công chứng xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng T do ông Đặng Ngọc T làm đại diện trình bày:

Thời điểm lập di chúc, cụ Huỳnh Tông P và Cụ Trần Thị L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, minh mẫn, không bị ai ép buộc, tự nguyện ký tên và điểm chỉ vào bản di chúc. Di chúc đã được đọc lại cho cụ P, cụ L nghe và đồng ý nội dung di chúc và ký trước sự có mặt của Công chứng viên.

Di chúc ngày 04/7/2014 đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật công chứng năm 2014 và các quy định liên quan, Công chứng viên chứng nhận di chúc đúng quy định pháp luật. Văn phòng công chứng xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Quận X do Bà Nguyễn Thị Y làm đại diện trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc một phần thửa 56 TĐĐ 15 (BĐĐC 2001, Phường 1, Quận X) được

Ủy ban nhân Quận X cấp Giấy chứng nhận cụ Huỳnh Tông P và Cụ Trần Thị L. Các Giấy chứng nhận được cấp sau đó diễn tiến trên cơ sở văn bản khai nhận và tặng cho di sản thừa kế, hợp đồng mua bán nhà là đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật Công chứng 2014; khoản 2 Điều 10 Luật nhà ở năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 19; Điều 23 Thông tư 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; điểm c khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 31 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Đăng ký đất đai H do bà Ninh Thị T làm đại diện trình bày:

Nguồn gốc nhà đất của cụ Huỳnh Tông P và Cụ Trần Thị L đã được Ủy ban nhân dân Quận X, TP. HCM cấp Giấy chứng nhận số CH22154 ngày 05/6/2014. Sau khi cụ P chết, các đồng thừa kế của cụ P lập thủ tục khai nhận và phân chia di sản thừa kế. Sau đó Ủy ban nhân dân Quận X cấp hai Giấy chứng nhận có cùng số vào sổ cho ông Trần V và Cụ Trần Thị L.

Năm 2015, cụ L chuyển nhượng phần sở hữu cho vợ chồng ông V nên Ủy ban nhân dân Quận X cấp Giấy chứng nhận số CH26062 ngày 07/5/2015 cho ông Trần V, bà Đỗ Thị Thanh T.

Năm 2016, bà T tặng phần sở hữu cho ông V nên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận X cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho ông V ngày 06/7/2017. Chi nhánh đã thực hiện đăng ký biến động cho ông V đúng thủ tục pháp luật và đúng theo hồ sơ do đương sự cung cấp.

Bà Ninh Thị T xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1235/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thiết C về việc:

- Yêu cầu tuyên bố vô hiệu Di chúc số 3447 ngày 04 tháng 7 năm 2014 tại Văn phòng Công chứng T.

- Yêu cầu tuyên bố vô hiệu Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 001227, quyển số 01TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 10 tháng 02 năm 2015 tại Văn phòng công chứng Đ.

- Yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số 02160, quyển số 04 ngày 09/4/2015 tại Văn phòng Công chứng Quận X (nay là Văn phòng Công chứng N).

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BX 618337, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 25626 do Ủy ban nhân dân Quận X cấp ngày 20/3/2015 cho ông Trần V.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BX576853, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH26062 do Ủy ban nhân dân Quận X cấp ngày 07/5/2015 cho ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T.

- Yêu cầu hủy phần cập nhật biến động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận X ngày 06/7/2017 tại mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BX576853, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH26062 do Ủy ban nhân dân Quận X cấp ngày 07/5/2015 với nội dung cập nhật sang tên ông Trần V.

- Yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Huỳnh Tông P là ½ căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị L về việc:

- Yêu cầu tuyên bố vô hiệu Di chúc số 3447 ngày 04 tháng 7 năm 2014 tại Văn phòng Công chứng T.

- Yêu cầu tuyên bố vô hiệu Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 001227, quyền số 01TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 10 tháng 02 năm 2015 tại Văn phòng công chứng Đ.

- Yêu cầu Hủy hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số 02160, quyền số 04 ngày 09/4/2015 tại Văn phòng Công chứng Quận X (nay là Văn phòng Công chứng N).

- Yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Huỳnh Tông P là ½ căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Mỹ L2, ông Trần Văn Ch về việc:

- Yêu cầu tuyên bố vô hiệu Di chúc số 3447 ngày 04 tháng 7 năm 2014 tại Văn phòng Công chứng T.

- Yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Huỳnh Tông P là ½ căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T hỗ trợ cho bà Trần Thị L số tiền 500.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 15/08/2022, nguyên đơn ông Huỳnh Thiết C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn Ch, bà Huỳnh Tuyết M, bà Phan Mỹ L2 và Cụ Trần Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 1235/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bên nguyên đơn, bên bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận: Cụ Huỳnh Tông P và cụ Trần Thị K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1961, có tạo lập tài sản chung là căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận nhà đất. Ngày 20/11/2009 cụ Trần Thị K chết, không để lại di chúc.

Sau khi cụ K chết, ngày 18/7/2013 cụ P kết hôn với Cụ Trần Thị L (cụ L là em ruột của cụ K), cụ L về chung sống với cụ P tại căn nhà số 73/1B Phạm Văn C và chỉ có công sức quản lý, bảo quản và kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu.

Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định căn nhà 73/1B là tài sản chung của cụ P và cụ L là không có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia tài sản của cụ P và cụ K theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tính công sức đóng góp cho cụ L, tuyên các giao dịch của cụ L ký bị vô hiệu, giao tài sản cho Cơ quan thi hành án bán chia cho các thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo ngày 15/08/2022 của nguyên đơn ông Huỳnh Thiết C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn Ch, bà Huỳnh Tuyết M, bà Phan Mỹ L2 và Cụ Trần Thị L là trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 27/8/2023 Cụ Trần Thị L chết. Cha của cụ L là cụ Trần X, mẹ là cụ Dương Thị L đều đã chết trước năm 1975, chồng của cụ L là cụ Huỳnh Tông P cũng chết trước cụ L. Cụ L không có con ruột chỉ có ông Trần Văn Ch là con nuôi. Do vậy ông Trần Văn Ch là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ L.

[3]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Trần Văn Ch và bà Phan Mỹ L2, bà Huỳnh Tuyết M và Cụ Trần Thị L có yêu cầu độc lập là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bởi lẽ, các nội dung ông Ch, bà L2, chị M và cụ L có yêu cầu tòa án giải quyết thì nguyên đơn ông Huỳnh Thiết C đã có yêu cầu khởi kiện và đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý nên các yêu cầu nêu trên của ông Ch, bà L2, chị M và cụ L không phải là yêu cầu độc lập nữa. Nhưng các thiếu sót này không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các đương sự nên chỉ nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

* Về nội dung:

[4]. *Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Thiết C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn Ch, bà Huỳnh Tuyết M, bà Phan Mỹ L2 và Cụ Trần Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, ông Lê Vinh Thái B là người được nguyên đơn ủy quyền và Bà Lê Thị H là người được bị đơn ủy quyền đều thừa nhận nội dung:

Cụ Huỳnh Tông P và cụ Trần Thị K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1961, có 05 người con chung gồm: Ông Huỳnh Ký T (chết năm 2012, không có vợ con), ông Trần V, Bà Huỳnh Tú L1, ông Huỳnh Thiết C, ông Huỳnh Thiết Q

(chết năm 2003, có vợ là bà Phan Mỹ L2 và con Huỳnh Tuyết M). Quá trình chung sống cụ P và cụ K có tạo lập tài sản chung là căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận nhà đất. Ngày 20/11/2009 cụ Trần Thị K chết, không để lại di chúc.

Sau khi cụ K chết, ngày 18/7/2013 cụ P kết hôn với Cụ Trần Thị L (cụ L là em ruột của cụ K), cụ L về chung sống với cụ P tại căn nhà số 73/1B Phạm Văn C và nhận ông Trần Văn Ch làm con nuôi (Giấy chứng nhận con nuôi BL 150) (02 cụ không có con ruột chung).

Năm 2014, cụ P và cụ L đã kê khai đề xin cấp giấy chứng nhận nhà đất tại số 73/1B Phạm Văn C. Ngày 05/6/2014, Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH22154 cho cụ P và cụ L.

Cụ L chỉ có công sức đóng góp gìn giữ, quản lý và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cho cụ P và cụ K. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết sự kiện nêu trên được các đương sự thừa nhận là sự thật, không phải chứng minh.

[5]. Xét lời trình bày nêu trên của ông B và bà H là phù hợp với lời trình bày của ông B tại Biên bản hòa giải ngày 13/4/2021 (Bút lục 515), Văn bản trình bày ý kiến của ông B (Bút lục 438) có nội dung: “*nguồn gốc căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, TP. HCM đang bị tranh chấp là căn nhà đã tồn tại hiện hữu từ thời Ông Huỳnh Tông P và bà Trần Thị K (ông P và cụ K kết hôn trước năm 1963 nhưng không có làm giấy hôn thú). Do cụ Trần Thị K bị bệnh trước đó nên từ năm 1980 cụ Trần Thị L đã đến ở tại căn nhà này để chăm sóc cho cụ K (cụ L là em ruột của cụ K) và phụ cụ P làm ăn để nuôi các con của cụ P và cụ K*”. Phù hợp với lời trình bày của bà H tại Biên bản hòa giải ngày 13/4/2021 (Bút lục 514), Biên bản hòa giải ngày 22/5/2020 (Bút lục 506), Biên bản hòa giải ngày 24/6/2019 (Bút lục 497), Biên bản hòa giải ngày 24/5/2019 (Bút lục 491) và Bản tự khai của bà H (Bút lục 426) đều có nội dung: “*Nguồn gốc căn nhà: Căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cụ ông Huỳnh Tông P, sinh năm 1930 đã chết năm 2014 và cụ Trần Thị K sinh năm 1944 đã chết năm 2009 tạo lập trước năm 1963. Gia đình ông Trần V chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Năm 2014, cha ông Trần V là cụ Huỳnh Tông P lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn nhà 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, lúc đó cụ Trần Thị K đã chết, cụ P có kết hôn với cụ Trần Thị L nên đã được Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận số CH22154 ngày 05/6/2014 cho cụ Huỳnh Tông P và cụ Trần Thị L đứng chủ sở hữu*”.

[6]. Lời thừa nhận trên của các bên đương sự cũng phù hợp với “Đơn xin xác nhận sống chung” đề ngày 19-12-1983 của cụ P và cụ K được Ủy ban nhân dân phường 14 xác nhận, trong đơn có ghi nội dung: *Nguyên chúng tôi qua sự đồng ý*

của gia đình hai bên đã chính thức kết hôn ngày 31-01-1961 và tự do cùng chung sống với nhau tại Nhà số 73/1-B Phạm Văn C, phường 14, Quận X”.

[7]. Do đó, có căn cứ để xác định căn nhà số 73/1B Phạm Văn C là tài sản chung của cụ P và cụ K. Cụ L chỉ có công quản lý, kê khai để xin cấp giấy chứng nhận nhà đất. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn nhà nêu trên là tài sản chung của cụ P và cụ L là không phù hợp với các chứng cứ khách quan, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

[8]. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Thiết C và một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn Ch, bà Huỳnh Tuyết M, bà Phan Mỹ L2 và Cụ Trần Thị L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng sau:

[9]. Căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, được xác định: $\frac{1}{2}$ thuộc quyền sở hữu của cụ P và $\frac{1}{2}$ thuộc quyền sở hữu của cụ K.

[10]. Ngày 20/11/2009, cụ Trần Thị K chết, không để lại di chúc, nên $\frac{1}{2}$ căn nhà 73/1B Phạm Văn C là di sản của cụ K sẽ được chia cho các đồng thừa kế sau:

Cụ Huỳnh Tông P và các con (06 kỷ phần) gồm: ông Trần V, Bà Huỳnh Tú L1, ông Huỳnh Thiết C, chị Huỳnh Tuyết M (ông Huỳnh Thiết Q đã chết năm 2003, nên con của ông Q là chị M được hưởng thừa kế thế vị theo Điều 677 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015), Cụ Trần Thị L có công sức gìn giữ, quản lý và kê khai đứng tên trên giấy chứng nhận nhà đất nên cũng được hưởng tương đương một kỷ phần thừa kế của cụ P.

Riêng ông Huỳnh Ký T cũng là con của cụ K và cụ P nhưng ông Toàn đã chết năm 2012, không có vợ con nên không được hưởng thừa kế.

[11]. Di sản của cụ P là $\frac{1}{2}$ căn nhà và $\frac{1}{6}$ của một kỷ phần thừa kế của cụ K mà cụ P được hưởng thừa kế.

Ngày 10/11/2014, cụ Huỳnh Tông P chết có để lại Di chúc số: 3447 ngày 04 tháng 7 năm 2014 đã được Văn phòng Công chứng T công chứng, nên ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T được hưởng di sản của cụ P. Tuy nhiên, Di chúc này do cụ P và cụ L cùng lập để định đoạt căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, nhưng cụ L đã thay đổi không để lại tài sản cho ông V và bà T được hưởng thừa kế nữa, do đó nội dung di chúc của cụ L được xem không còn tồn tại nữa. Riêng nội dung còn lại của di chúc cụ P để lại tài sản $\frac{1}{2}$ căn nhà và $\frac{1}{6}$ của một kỷ phần thừa kế của cụ K mà cụ P được hưởng thừa kế vẫn có hiệu lực. Do vậy, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về đề nghị tuyên bố di chúc này bị vô hiệu là có căn cứ.

[12]. Tuy nhiên, tại thời điểm cụ P lập di chúc cho ông V và bà T được hưởng thừa kế thì cụ L là vợ hợp pháp vẫn còn sống, nhưng bị cụ P truất quyền thừa kế của cụ L là trái với Điều 669 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 644 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, cụ L vẫn được hưởng phần di sản cụ của P để lại là bằng $\frac{2}{3}$ suất của một người thừa kế chia theo pháp luật.

*Hàng thừa kế của cụ P có 06 người, gồm: cụ L, các con ông Trần V, Bà Huỳnh Tú L1, ông Huỳnh Thiết C, chị Huỳnh Tuyết M (được hưởng thừa kế thế vị của ông Huỳnh Thiết Q) và ông Trần Văn Ch (con nuôi của cụ P và cụ L). Ngoài ra Cụ Trần Thị L còn được hưởng tương đương 01 kỷ phần thừa kế do có công sức gìn giữ, kê khai và đứng tên trên giấy chứng nhận nhà đất của cụ P. Vì vậy di sản của ông P là $\frac{1}{2}$ căn nhà và $\frac{1}{6}$ của một kỷ phần thừa kế của cụ K mà cụ P được hưởng và được chia 07 phần như sau:

Cụ L được hưởng 01 kỷ phần thừa kế và $\frac{2}{3}$ của một kỷ phần thừa kế.

Ông V và bà T được hưởng 05 kỷ phần thừa kế và $\frac{1}{3}$ của 01 kỷ phần thừa kế.

[13]. Như trên đã xác định căn nhà số 73/1B Phạm Văn C thuộc quyền sở hữu của cụ P và cụ K mà không thuộc quyền sở hữu của cụ L, nhưng ngày 10 tháng 02 năm 2015 Văn phòng công chứng Đ đã lập Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 001227, quyền số 01TP/VPCC-SCC/HĐGD để cho ông Trần V được nhận toàn bộ căn nhà số 73/1B Phạm Văn C là trái pháp luật nên bị vô hiệu đối với $\frac{1}{2}$ căn nhà số 73/1B Phạm Văn C là tài sản sở hữu của K. Do đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BX 618337, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 25626 do Ủy ban nhân dân Quận X, TP. HCM cấp ngày 20/3/2015 cho ông Trần V cần được tuyên hủy.

[14]. Cụ Trần Thị L không phải là người sở hữu có quyền định đoạt đối với $\frac{1}{2}$ căn nhà số 73/1B Phạm Văn C nên “Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở” số 02160, quyền số 04 ngày 09/4/2015 tại Văn phòng Công chứng Quận X do cụ L ký chuyển nhượng cho ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T bị vô hiệu. Do đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BX576853, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH26062 do Ủy ban nhân dân Quận X cấp ngày 07/5/2015 cho ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T cũng cần được tuyên hủy. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu, tại Điều 2 của Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số 02160 ngày 09/4/2015 nêu trên có ghi: “*Giá mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở nêu tại Điều 1 là: 450.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn trăm năm triệu Việt Nam đồng). Phương thức thanh toán: bằng tiền mặt. Bên B thanh toán cho Bên A số tiền nêu trên một lần sau khi ký công chứng. Việc thanh toán số tiền nêu trên tại khoản 1 Điều này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật*”. Ông V và bà T cho rằng đã thanh toán đủ số tiền trên cho cụ L, nhưng không lập giấy biên nhận vì cho rằng là mẹ con nên không cần thiết lập giấy này. Tuy nhiên, cụ L không thừa nhận việc nhận tiền chuyển nhượng 450.000.000 đồng của ông V và bà T. Ông V và bà T không có chứng cứ chứng minh đã đưa tiền cho cụ L. Do đó việc giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu để sau này khi ông V và bà T có chứng cứ thì sẽ được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[15]. Do hợp đồng mua bán nhà ở nêu trên bị vô hiệu nên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 00034848

do giữa bà Đỗ Thị Thanh T ký tặng cho ông Trần V được Văn phòng công chứng Đàm Sen ký công chứng ngày 20/10/2016 là trái pháp luật. Tuy nhiên, các đương sự trong vụ án này không có yêu cầu giải quyết đối với Hợp đồng tặng cho này mà chỉ có yêu cầu hủy phần cập nhật biến động ngày 06/7/1017 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận X, TP. HCM cập nhật cho ông V một mình đứng tên trên trang 3 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH26062 ngày 07/5/2015. Do đó, Hợp đồng tặng cho nêu trên sau này nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[16]. Căn nhà 73/1B Phạm Văn C, hiện nay vợ chồng ông V và bà T buôn bán ở tầng trệt và ở tầng II, ông Ch và chị M đang ở tầng I, ông C đang ở tầng III, tất cả không có nơi ở nào khác. Do căn nhà số 73/1B Phạm Văn C không thể chia bằng hiện vật, nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án giao cho Cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá để chia bằng giá trị tại thời điểm bán đấu giá, là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu giá để chia cho các đương sự theo tỷ lệ nêu trên.

[17]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí có giá ngạch: Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá ngày 26/01/2021 của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng (Bút lục 419) thì căn nhà số 73/1B Phạm Văn C có giá trị là 3.099.056.000đ. Căn cứ vào tỷ lệ được hưởng di sản nêu trên án phí thừa kế được tính cụ thể như sau:

Tổng di sản của cụ P và cụ K có giá trị là 3.099.056.000đ : 2 cụ = 1.549.528.000đ/cụ.

Phần di sản của cụ K giá trị 1.549.528.000đ : 6 phần = 258.254.666đ/kỷ phần thừa kế. Trong đó có: cụ Huỳnh Tông P, ông Trần V, Bà Huỳnh Tú L1, ông Huỳnh Thiết C, chị Huỳnh Tuyết M (con ông Q) và Cụ Trần Thị L (có công sức gìn giữ, kê khai và đứng tên trên giấy chứng nhận nhà đất). Nên án phí phải chịu như sau: bị đơn ông Trần V được hưởng 01 kỷ phần nên ông V phải chịu thêm án phí là 12.912.000đ; nguyên đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thiết C, Bà Huỳnh Tú L1, chị Huỳnh Tuyết M mỗi người được hưởng 01 kỷ phần nên phải chịu 12.912.000đ án phí. Riêng cụ L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên cụ L không phải chịu án phí.

Phần di sản của cụ P giá trị 1.549.528.000đ : 7 kỷ phần = 221.361.000đ/kỷ phần thừa kế. Trong đó ông V và bà T được hưởng là 05 kỷ phần thừa kế và 1/3 kỷ phần thừa kế tổng là 1.180.592.000đ. Nên án phí được tính như sau 36.000.000đ + 11.417.760đ (3% của phần giá trị vượt quá 800.000.00đ) = 47.417.760đ án phí ông V và bà T phải chịu.

Cụ L được hưởng 01 kỷ phần thừa kế và 2/3 của một kỷ phần thừa kế, nhưng do cụ L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên cụ L không phải chịu án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thiết C về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu Di chúc số 3447 ngày 04 tháng 7 năm 2014 tại Văn phòng Công chứng T không được chấp nhận nên ông C phải chịu 300.000đ.

Do yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thiết C về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 001227, ngày 10 tháng 02 năm 2015 tại Văn phòng công chứng Đ được chấp nhận một phần nên ông V và bà T phải chịu 300.000đ.

Do yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thiết C về tuyên bố hủy Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số 02160, quyền số 04 ngày 09/4/2015 tại Văn phòng Công chứng Quận X (nay là Văn phòng Công chứng N) được chấp nhận tuyên bố vô hiệu nên ông V và bà T phải chịu 300.000đ.

[18]. Chi phí tố tụng sơ thẩm: Chi phí thẩm định giá là 9.500.000đ. Chi phí này nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chịu mỗi bên ½. Do nguyên đơn đã nộp nên bị đơn ông V và bà T phải hoàn trả cho ông C số tiền 4.750.000đ.

[19]. Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Thiết C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn Ch, bà Huỳnh Tuyết M, bà Phan Mỹ L2 và Cụ Trần Thị L được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[20]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Thiết C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn Ch, bà Huỳnh Tuyết M, bà Phan Mỹ L2 và cụ Trần Thị L.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 1235/2022/DS-ST ngày 05-8-2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng các Điều 121, Điều 122, Điều 127, Điều 135, Điều 164, Điều 195, Điều 196, Điều 197, Điều 214, Điều 219, Điều 223, Điều 450 Điều 451, Điều 452, Điều 453, Điều 465, Điều 467, Điều 544, Điều 631, Điều 632, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 645, Điều 646, Điều 647, Điều 648, Điều 949, Điều 650, Điều 652, Điều 657, Điều 663, Điều 664, Điều 667, Điều 669, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 677, Điều 678, Điều 697, Điều 698, Điều 700 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 611, Điều 613 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thiết C về đề nghị tuyên bố Di chúc số 3447 ngày 04 tháng 7 năm 2014 do cụ Huỳnh Tông P lập, được Văn phòng Công chứng T công chứng vô hiệu. Tuyên bố Di chúc nêu trên có hiệu lực đối với phần di sản thuộc quyền sở hữu của cụ Huỳnh Tông P.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thiết C:

- Tuyên Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 001227, quyền số 01TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 10 tháng 02 năm 2015 tại Văn phòng công chứng Đ bị vô hiệu đối với phần khai nhận di sản của cụ Trần Thị L.

- Tuyên Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số 02160, quyền số 04 ngày 09/4/2015 giữa Cụ Trần Thị L với ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T được Văn phòng Công chứng Quận X (nay là Văn phòng Công chứng N) công chứng bị vô hiệu.

- Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BX 618337, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 25626 do Ủy ban nhân dân Quận X cấp ngày 20/3/2015 cho ông Trần V.

- Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BX576853, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH26062 do Ủy ban nhân dân Quận X cấp ngày 07/5/2015 cho ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T.

- Tuyên hủy phần cập nhật biến động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận X ngày 06/7/2017 tại mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BX576853, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH26062 do Ủy ban nhân dân Quận X cấp ngày 07/5/2015 với nội dung cập nhật sang tên ông Trần V.

3. Di sản thừa kế của cụ Trần Thị K là giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, được chia làm 06 phần như sau:

- Cụ Huỳnh Tông P được hưởng 1/6;

- Ông Trần V được hưởng 1/6;

- Bà Huỳnh Tú L1 được hưởng 1/6;

- Ông Huỳnh Thiết C được hưởng 1/6;

- Chị Huỳnh Tuyết M (con ông Huỳnh Thiết Q) được hưởng 1/6;

- Cụ Trần Thị L được hưởng 1/6 (do có công sức gìn giữ, kê khai và đứng tên trên giấy chứng nhận nhà đất). Do Cụ Trần Thị L đã chết nên giao cho ông Trần Văn Ch (là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L) nhận và quản lý di sản này của cụ L.

4. Di sản thừa kế của cụ Huỳnh Tông P là giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà số 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và 1/6 cụ Huỳnh Tông P được chia thừa kế của cụ K. Các di sản trên được chia làm 07 kỷ phần như sau:

Ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T được hưởng 05 kỷ phần và 1/3 của 01 kỷ phần.

Cụ Trần Thị L được hưởng 01 kỷ phần (do có công sức gìn giữ, kê khai và đứng tên trên giấy chứng nhận nhà đất) và 2/3 của 01 kỷ phần thừa kế. Do Cụ Trần Thị L đã chết nên giao cho ông Trần Văn Ch (là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L) nhận và quản lý di sản này của cụ L.

+ Giao cho Cục thi thành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh căn nhà 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bán đấu giá để thi hành án cho các đương sự theo tỷ lệ được chia nêu trên.

+ Buộc ông Trần V, bà Đỗ Thị Thanh T, ông Huỳnh Thiết C, ông Trần Văn Ch, bà Huỳnh Tuyết M và tất cả những người khác đang sinh sống trong căn nhà căn nhà số 73, phải bàn giao căn nhà 73/1B Phạm Văn C, Phường 1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cho Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để bán đấu giá thi hành án.

5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 47.417.760đ (bốn mươi bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng);

Ông Trần V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.912.000đ (mười hai triệu chín trăm mười hai nghìn đồng);

Bà Huỳnh Tú L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.912.000đ (mười hai triệu chín trăm mười hai nghìn đồng);

Ông Huỳnh Thiết C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.912.000đ (mười hai triệu chín trăm mười hai nghìn đồng). Được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0047281 ngày 26/7/2017 và 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0024398 ngày 05/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Huỳnh Thiết C phải tiếp tục chịu là 8.862.000đ (tám triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng);

Chị Huỳnh Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.912.000đ (mười hai triệu chín trăm mười hai nghìn đồng);

Cụ Trần Thị L là người cao tuổi được miễn án phí.

6. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Ông Huỳnh Thiết C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

Ông Trần V và bà Đỗ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

7. Chi phí tố tụng sơ thẩm: Chi phí thẩm định giá là 9.500.000đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng). Chi phí này nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chịu mỗi bên ½. Do nguyên đơn đã nộp nên bị đơn ông V và bà T phải hoàn trả cho ông C số tiền 4.750.000đ (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

8. Án phí dân sự phúc thẩm:

Trả lại cho ông Huỳnh Thiết C số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0002959 ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Trả lại cho ông Trần Văn Ch số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số: 0002958 ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Trả lại cho bà Huỳnh Tuyết M số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số: 0002963 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Trả lại cho bà Phan Mỹ L2 số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số: 0002960 ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TPHCM (1);
- VKSND TPHCM (1);
- Cục THADS TPHCM (1);
- ĐS (13);
- Lưu VP(3), HS(2).23b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương